TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-ST
Ngày 18/11/2020
"V/v *Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Bích Vân.

2. Ông Trần Xuân Tỉnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: Bà Y HLam.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2020/TLST-DS ngày 03/8/2020 về việc " Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST-DS ngày 27/10/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Diệp Thị L, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khu vực T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt.

* Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh B, sinh năm 1957 . Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2020, các bản tự khai ngày 03/8/2020, ngày 20/10/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Diệp Thị L trình bày: Bà Trần Thị Thanh B với bà là quen biết nhau nên vào ngày 16/4/2016 âm lịch bà Diệp Thị L có cho bà Trần Thị Thanh B vay số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Khi vay bà B có viết một Giấy mượn tiền giao cho bà L giữ. Bà B hứa là trong vòng 02 năm tức là từ ngày 16/4/2016 âm lịch cho đến ngày 16/4/2018 âm lịch sẽ trả đủ cho bà L số tiền trên. (Trong Giấy mượn tiền phần trên ghi ngày 16/4/2016 là ngày mượn tiền còn ở dưới ghi ngày 16/4/2018 âm lịch là ngày trả tiền).

Thực tế bà B đã trả cho bà L nhiều lần, tổng cộng là 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng), còn nợ lại 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Mặc dù hai bên đã chốt lại số nợ nhưng không trừ vào giấy nợ. Bà B hứa mỗi tháng trả cho bà L 1.000.000đ (Một triệu đồng) nhưng bà L đã nhiều lần đến nhà đòi nợ mà bà B chưa chịu trả. Thời gian gần đây bà B tránh mặt và cũng không nghe điện thoại nữa. Vì vậy bà L làm đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Thanh B phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra bà L không có yêu cầu gì khác.

* Bà Trần Thị Thanh B vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai tại hồ sơ.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/9/2020 các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: 01 giấy mượn tiền ngày 16/4/2016 âm lịch do bà Trần Thị Thanh B viết (bản gốc); 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Diệp Thị L (bản sao có chứng thực); 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao có chứng thực; 01 Bản tự khai ngày 03/8/2020. Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Các tài liệu do Tòa án thu thập gồm: 01 biên bản xác minh ngày 03/8/2020.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Thanh B không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không hòa giải được, đã tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về điều luật áp dụng: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 173; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 179; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463; Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về nội dung của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Diệp Thị L. Buộc bà Trần Thị Thanh B phải trả cho bà Diệp Thị L số tiền nợ gốc 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Về án phí: Buộc bà Trần Thị Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Thanh B có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên bà Diệp Thị L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc bà B phải trả khoản nợ vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình Tòa án giải quyết đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng bà Trần Thị Thanh B vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 173, Điều 179; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vụ án.

2. Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa và các chứng cứ do đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Vào ngày 16/4/2016 âm lịch bà Diệp Thị L có cho bà Trần Thị Thanh B vay số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận là bà B sẽ trả dần cho bà L số tiền này trong vòng 02 năm, tức là ngày 16/4/2018 âm lịch bà B phải trả đủ cho bà L số tiền trên. Nhưng đến thời hạn trả nợ nói trên bà B chỉ trả cho bà L 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng), còn nợ của bà L số tiền gốc là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Việc vay mượn tiền giữa bà Diệp Thị L và bà Trần Thị Thanh B là hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận kỳ hạn trả nợ. Tuy nhiên đến hạn trả nợ bà Trần Thị Thanh B đã không thực hiện việc trả nợ như đã thỏa thuận nên ngày 03/8/2020 bà Diệp Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B phải trả số tiền còn nợ theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Xét về lãi suất: Nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Xét về án phí: Bà Trần Thị Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 3 Điều 173; Điều 179; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Diệp Thị L.

Buộc bà Trần Thị Thanh B phải trả cho bà Diệp Thị L số tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc bà Trần Thị Thanh B phải chịu 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Diệp Thị L không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà Diệp Thị L số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006912 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Gia Lai.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Yến Ngọc